

Số: **61** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 01 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015  
và định hướng đến năm 2020**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>CV ĐẾN</b>	Số:..... <i>3.H.2</i> .....
	Ngày: <i>15/01/14</i>
	Chuyên:.....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy hoạch bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, hải đảo, di cư tự do trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010-2015;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí sự nghiệp Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2013 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Chương trình bố trí dân cư.

Thực hiện Công văn số 5707/BNN-KTHT ngày 06/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý về dự án bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 9470/BKHĐT-KTNN ngày 22/11/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và phần vốn NSTW thuộc Chương trình bố trí dân cư tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2358/TTr-SNN&PTNT ngày 16/12/2013 về việc phê duyệt Dự án bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1451/BCTĐ-KHĐT-KTN ngày 25/12/2013 về việc báo cáo kết quả thẩm định Dự án Bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

**1. Tên dự án:** Bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 (có danh mục dự án kèm theo).

### **2. Phạm vi thực hiện Dự án:**

Trên địa bàn 168 xã, thị trấn thuộc 13 huyện trong tỉnh.

### **3. Đối tượng áp dụng:**

Gồm có 4 đối tượng chính sau:

- Hộ gia đình ở vùng thiếu đất sản xuất;
- Hộ gia đình ở vùng thiếu nước sản xuất, thiếu nước sinh hoạt;
- Hộ gia đình thiếu cơ sở hạ tầng;
- Hộ gia đình ở vùng bị ô nhiễm, ảnh hưởng phóng xạ.

### **4. Mục tiêu của dự án:**

a) Mục tiêu tổng quát:

Dự án bố trí dân cư các vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo hướng xây dựng nông thôn mới nhằm ổn định và nâng cao đời sống cho người dân, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng, từng bước hình thành các điểm dân cư mới có đầy đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu cuộc sống của người dân nông thôn, phù hợp với xu thế phát triển chung của toàn xã hội, với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2020, toàn tỉnh hoàn thành cơ bản việc bố trí tái định cư cho 1.301 hộ dân vào 31 khu tái định cư tập trung và di dân xen ghép cho 1.590 hộ vào các điểm dân cư hiện có gồm các đối tượng ở vùng đặc biệt khó khăn do thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sản xuất, nước sinh hoạt và những khu vực bị ô nhiễm với điều kiện nơi ở mới phải đầy đủ các công trình phúc lợi xã hội, đảm bảo các điều kiện tốt nhất để người dân phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống bền vững.

### **5. Nội dung dự án:**

a) Xây dựng các khu tái định cư tập trung:

a1) Giai đoạn 2013-2015:

Bố trí sắp xếp tái định cư cho 190 hộ dân (khoảng 815 nhân khẩu) vào

03 khu tái định cư tập trung.

a2) Giai đoạn 2016-2020:

Hoàn thành việc bố trí sắp xếp tái định cư cho 1.111 hộ (khoảng 4.770 nhân khẩu) vào 28 khu tái định cư tập trung.

b) Bố trí di dân xen ghép:

b1) Giai đoạn 2013-2015:

Giai đoạn từ năm 2013-2015 tỉnh Quảng Ngãi cần bố trí sắp xếp tái định cư xen ghép cho 260 hộ dân (khoảng 1.100 nhân khẩu) vào các khu dân cư hiện có.

b2) Giai đoạn 2016-2020:

Hoàn thành việc bố trí sắp xếp tái định cư cho 1.130 hộ (khoảng 4.850 nhân khẩu) vào các khu dân cư hiện có.

#### **6. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ở các khu dân cư:**

- San lấp mặt bằng: Tổng diện tích mặt bằng cần san lấp: 36.200 m<sup>2</sup> giai đoạn 2013-2015 và 432.000 m<sup>2</sup> giai đoạn 2016-2020.

- Giao thông: Bao gồm các hạng mục sau:

+ Đường trục chính (nối từ đường giao thông trục chính gần nhất đến điểm tái định cư) thiết kế theo tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A (22TCN210-92). Mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa, tổng chiều dài đường giao thông trục chính cần đầu tư là: 700m giai đoạn 2013-2015 và 10.360m giai đoạn 2016-2020.

+ Đường giao thông nội vùng khu tái định cư: thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B (22TCN210-92). Mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa, tổng chiều dài đường giao thông nội vùng cần đầu tư là: 1.270m giai đoạn 2013-2015 và 9.020m giai đoạn 2016-2020.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Giai đoạn từ năm 2013-2020 là 01 công trình cấp nước tập trung và 70 giếng khoan; giai đoạn 2016-2020 là 24 công trình cấp nước tập trung; 97 giếng khoan và 19 giếng đào.

- Trạm biến áp: Giai đoạn từ năm 2013-2015 là 02 trạm; giai đoạn 2016 - 2020 là 13 trạm;

- Đường dây điện trung và hạ thế: Giai đoạn từ năm 2013-2015 là 2.650m; giai đoạn 2016-2020 là 19.510m;

- Lớp học mẫu giáo: Giai đoạn từ năm 2013-2015 là 02 phòng học; giai đoạn 2016-2020 là 10 phòng học;

- Nhà sinh hoạt cộng đồng: Giai đoạn từ năm 2016-2020 là 04 nhà;

## **7. Vốn đầu tư:**

Khái toán tổng vốn đầu tư và phân kỳ vốn đầu tư như sau:

Tổng vốn đầu tư: 386.200 triệu đồng; trong đó giai đoạn 2013-2015 là: 42.510 triệu đồng; giai đoạn 2016-2020 là: 343.690 triệu đồng. Chia ra:

a) Vốn đầu tư phát triển: 248.016 triệu đồng.

*Trong đó:*

- Giai đoạn 2013-2015 là: 20.379 triệu đồng;
- Giai đoạn 2016-2020 là: 227.637 triệu đồng;

b) Vốn sự nghiệp: Bao gồm: Chi phí hỗ trợ trực tiếp, hỗ trợ cộng đồng và chi phí quản lý: 138.187 triệu đồng;

*Trong đó:*

- Giai đoạn 2013-2015 là: 22.135 triệu đồng;
- Giai đoạn 2016-2020 là: 116.052 triệu đồng;

## **8. Nguồn vốn đầu tư:**

a) Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương: 193.100 triệu đồng (chiếm 50%). Trong đó:

- Giai đoạn 2013-2015: 21.255 triệu đồng;
- Giai đoạn 2016-2020: 171.845 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn lồng ghép khác: 193.100 triệu đồng (chiếm 50%). Trong đó:

- Giai đoạn 2013-2015: 21.255 triệu đồng;
- Giai đoạn 2016-2020: 171.845 triệu đồng.

**9. Thời gian thực hiện Dự án:** Từ năm 2013 đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

## **Điều 2. Phân giao nhiệm vụ**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Hàng năm, trên cơ sở danh mục dự án bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh được phê duyệt tại Quyết định này, chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố đề xuất danh mục dự án, trong đó xác định đơn vị chủ đầu tư từng dự án cụ thể, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định danh mục dự án chuẩn bị đầu tư năm sau.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh trong quản lý nhà nước về công tác di dân tái định cư và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch bố trí dân cư, kế hoạch xây dựng các khu dân cư tập trung, kế hoạch ổn định dân cư tại chỗ hàng năm, 5 năm trên địa bàn để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại các địa phương đảm bảo đúng mục tiêu, đúng chế độ, chính sách hiện hành.

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chương trình, dự án và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn để thực hiện kế hoạch hàng năm và 5 năm.

- Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định về huy động, lồng ghép các nguồn vốn; hướng dẫn cơ chế lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, chính sách, dự án và tham mưu trình UBND tỉnh cân đối nguồn vốn lồng ghép trên địa bàn để thực hiện dự án.

## 3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn để thực hiện kế hoạch hàng năm và 5 năm.

- Hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho dự án, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn của các chương trình, chính sách, dự án và các nguồn vốn huy động khác (nếu có) để đảm bảo thực hiện dự án.

## 4. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố:

- Tổ chức triển khai thực hiện các dự án cụ thể được giao làm chủ đầu tư.

- Xem xét bố trí lồng ghép các chương trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trong các vùng quy hoạch bố trí sắp xếp lại dân cư để tạo điều kiện cho các hộ tái định cư được hưởng lợi trực tiếp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, góp phần nhanh chóng ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, công bố công khai các khoản hỗ trợ về chính sách hỗ trợ thực hiện di dân tái định cư, ổn định tại chỗ theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg để nhân dân, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể trong

vùng biết cùng tham gia.

- Phối hợp với cơ quan chuyên ngành di dân thực hiện các thủ tục về quy trình di dân theo quy định hiện hành.

- Chỉ đạo UBND xã, thị trấn thực hiện các thủ tục cấp đất cho các hộ dân tái định cư; các thủ tục về quy trình di dân theo quy định hiện hành.

**5. Trách nhiệm của UBND các xã, thị trấn:**

- Khảo sát và lập kế hoạch di dân hàng năm theo đúng các đối tượng thuộc dự án và trình các cấp có thẩm quyền xem xét; đồng thời phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Ngãi và các cơ quan chức năng của UBND huyện, thành phố tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hàng năm.

- Thông qua các tổ chức đoàn thể, lực lượng làm công tác dân vận để tuyên truyền, vận động các hộ ở các vùng đặc biệt khó khăn và ảnh hưởng do biến đổi khí hậu và vùng ngập sâu tự nguyện di dời đến các khu dân cư đã được quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chi cục phát triển nông thôn Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu:VT, NN-TNndt9.



**Cao Khoa**

**DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ DÂN CƯ VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2013 - 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Số hộ	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.301</b>	<b>232.516</b>	
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 2013 - 2015</b>		<b>190</b>	<b>18.879</b>	
1	Khu TĐC Giếng Tiến	Xã An Vĩnh, Lý Sơn	120	9.810	
2	Khu TĐC Đồng Y	Xã Phổ Ninh, Đức Phổ	20	2.830	
3	Khu TĐC thôn Phú Nhiêu 1	Xã Bình Phú, Bình Sơn	50	6.239	
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2016 - 2020</b>		<b>1.111</b>	<b>213.637</b>	
1	Khu TĐC thôn Đông Hòa	Xã Tịnh Giang, Sơn Tịnh	30	3.464	
2	Khu TĐC Xóm Pốp	Xã Ba Điền, Ba Tơ	22	4.385	
3	Khu TĐC Xóm Gò Triền	Xã Sơn Thành, Sơn Hà	45	7.453	
4	Khu TĐC thôn Gò Ngoài	Xã Sơn Giang, Sơn Hà	50	9.773	
5	Khu TĐC Xóm Cà Đáo 1	Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	21	4.022	
6	Khu TĐC Nà Tà Kết	Xã Trà Hiệp, Trà Bồng	56	8.979	
7	Khu TĐC Đồi Sa Ta	Xã Trà Quân, Tây Trà	40	9.620	
8	Khu TĐC Đồi Ngọc Long Rẫy	Xã Sơn Liên, Sơn Tây	19	3.895	
9	Khu TĐC Đồi Hà Gha	Xã Sơn Ba, Sơn Hà	20	3.360	
10	Khu TĐC Miếu Thần Nông	Xã An Hải, Lý Sơn	130	45.713	
11	Khu TĐC An Hòa	Xã Bình Phú, Bình Sơn	97	13.053	
12	Khu TĐC Núi Hòn Một	Xã Tịnh Giang, Sơn Tịnh	27	2.473	
13	Khu TĐC Nghĩa Lâm	Xã Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa	33	3.683	
14	Khu TĐC Trung tâm cụm xã Long Sơn	Xã Long Sơn, Minh Long	100	16.660	

15	Khu ĐC thôn Pờ Lãng	Xã Ba Ngạc, Ba Tơ	30	5.800	
16	Khu ĐC Đồi Hoàng Biều	Xã Sơn Thủy, Sơn Hà	30	5.652	
17	Khu ĐC Xóm Gò Canh	Xã Sơn Cao, Sơn Hà	34	5.691	
18	Khu ĐC Xóm Trường	Xã Sơn Kỳ, Sơn Hà	35	5.618	
19	Khu ĐC Đồi A Cắm	Xã Sơn Thủy, Sơn Hà	20	3.640	
20	Khu ĐC Đồng Phú	Xã Bình Phú, Bình Sơn	24	4.197	
21	Khu ĐC Tổ 1, thôn Nước Lầy	Xã Ba Ngạc, Ba Tơ	23	3.838	
22	Khu ĐC Ông Lang	Xã Ba Vinh, Ba Tơ	25	3.730	
23	Khu ĐC Gò Chân	Xã Sơn Thành, Sơn Hà	85	17.630	
24	Khu ĐC Đồi Bóc	Xã Sơn Ba, Sơn Hà	20	3.260	
25	Khu ĐC Đồi A Không	Xã Sơn Thủy, Sơn Hà	16	3.046	
26	Khu ĐC Xóm Gò Gia Ri	Xã Sơn Linh, Sơn Hà	23	4.355	
27	Khu ĐC Xóm Gò Da	Xã Sơn Ba, Sơn Hà	35	6.575	
28	Khu ĐC Xóm Hóc Tra	Xã Sơn Cao, Sơn Hà	21	4.076	